

Số: 122 /TCT-HĐQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Viglacera – CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02/7/2014 và các Điều lệ sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/04/2016 và 12/09/2016;

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số 40 /TCT-HĐQT ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera – CTCP về việc thông qua Quy chế công bố thông tin;

Xét tình hình thực tế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty Viglacera – CTCP bao gồm 5 chương 28 Điều và các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng, Ban Tổng công ty; Giám đốc các đơn vị phụ thuộc; Người Đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐQT.TCT
- Ban TGD.TCT
- Ban KS, CTCĐ.TCT;
- Lưu VP; Ban thư ký.TCT.



CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY
Luyện Công Minh

MỤC LỤC

	Trang
CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1 Phạm vi và đối tượng áp dụng	4
Điều 2 Mục đích của việc công bố thông tin	4
Điều 3 Giải thích từ ngữ	4
Điều 4 Phương tiện công bố thông tin	6
Điều 5 Hình thức công bố thông tin	6
CHƯƠNG II NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN	7
Điều 6 Người công bố thông tin	7
Điều 7 Người công bố thông tin theo ủy quyền	7
Điều 8 Quyền hạn và trách nhiệm của người công bố thông tin	7
Điều 9 Thay đổi người công bố thông tin	8
CHƯƠNG III NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
Mục 1 Nội dung công bố thông tin của Tổng công ty	8
Điều 10 Công bố thông tin định kỳ	8
Điều 11 Công bố thông tin bất thường	13
Điều 12 Công bố thông tin theo yêu cầu	17
Điều 13 Công bố thông tin liên quan đến việc phát hành trái phiếu	18
Mục 2 Nội dung công bố thông tin của các đối tượng khác	18
Điều 14 Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn	18
Điều 15 Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ.	19

Điều 16	Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai	20
Điều 17	Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ	21
CHƯƠNG IV	QUY TRÌNH XỬ LÝ, CÔNG BỐ VÀ LƯU TRỮ THÔNG TIN	22
Điều 18	Sơ đồ quy trình công bố thông tin của Tổng công ty	22
Điều 19	Chuẩn bị công bố thông tin	22
Điều 20	Xử lý thông tin	23
Điều 21	Phê duyệt thông tin	23
Điều 22	Công bố thông tin	23
Điều 23	Lập hồ sơ lưu trữ thông tin	24
Điều 24	Tạm hoãn và bảo lưu chưa công bố thông tin	24
Điều 25	Cải chính thông tin	24
CHƯƠNG V	TỔ CHỨC THỰC HIỆN	24
Điều 26	Xử lý vi phạm về công bố thông tin	24
Điều 27	Hiệu lực thi hành	25
Điều 28	Sửa đổi, bổ sung	25
PHỤ LỤC		
Phụ lục 1	Danh mục thông tin công bố định kỳ	26
Phụ lục 2	Danh mục thông tin công bố bất thường và theo yêu cầu	29
Phụ lục 3	Một số biểu mẫu thực hiện công bố thông tin	35

PHẦN MỞ ĐẦU

Quy chế này được Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera - CTCP thông qua vào ngày 22 tháng 3 năm 2017 theo Quyết định số 122/TCT-HĐQT

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty Viglacera – CTCP (sau đây viết tắt là “**Quy chế**”) quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin tại Tổng công ty Viglacera – CTCP (sau đây viết tắt là “**Tổng công ty**”).
2. Quy chế này được áp dụng với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Cán bộ quản lý, các phòng/ ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Mục đích của việc công bố thông tin

Việc công bố thông tin theo quy định của Quy chế này nhằm công khai các hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông và những người có liên quan của Tổng công ty; giúp các nhà đầu tư, đối tác nắm được thực trạng hoạt động của Tổng công ty để có cơ sở đánh giá, xem xét, thiết lập các quan hệ kinh tế, giao dịch với Tổng công ty; đồng thời chấp hành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “**Tổng công ty**” hoặc “**TCT**” có nghĩa là Tổng công ty Viglacera – CTCP;
 - b) “**Quy chế**” có nghĩa là Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty và các sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm;
 - c) “**Điều lệ TCT**” có nghĩa là điều lệ của Tổng công ty Viglacera – CTCP và các sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm;
 - d) “**Quy chế TCT**” có nghĩa là các quy chế do Tổng công ty ban hành, bao gồm nhưng không giới hạn bởi Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý hoạt động đầu tư, Quy chế công

bố thông tin, Quy chế trả lương, thưởng, Quy chế sử dụng quản lý chất lượng sản phẩm...

- e) **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- f) **“Người nội bộ”** là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người đại diện theo pháp luật, cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty theo quy định tại điều lệ Tổng Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin của Tổng công ty;
- g) **“Đơn vị trực thuộc”** có nghĩa là các đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu của Tổng công ty như được giải thích tại Điều 1 Điều lệ TCT;
- h) **“Đơn vị thành viên”** có nghĩa là các công ty con, công ty liên kết như được giải thích tại Điều 1 Điều lệ TCT;
- i) **“Người thực hiện công bố thông tin”** là người thực hiện công bố thông tin của Tổng công ty quy định tại Điều 6 của Quy chế này hoặc người được ủy quyền công bố thông tin quy định tại Điều 7 của Quy chế này;
- j) **“Người có liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân;
 - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
 - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Công ty mẹ, công ty con;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
- k) **“UBCKNN”** có nghĩa là Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- l) **“SGDCK”** có nghĩa là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội hoặc sở giao dịch chứng khoán khác quản lý hoạt động chứng khoán của Tổng công ty;

m) “**TTLKCK**” có nghĩa là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định và/hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của quy định và/hoặc văn bản đó.
3. Các từ được viết hoa nhưng chưa được định nghĩa trong Quy chế này, nếu không mâu thuẫn với ngữ cảnh hoặc chủ thể trong Quy chế này, sẽ có nghĩa tương đương như được quy định trong Điều lệ TCT và/hoặc các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 4. Phương tiện công bố thông tin

Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện công bố thông tin sau:

1. Báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử (website) và các ấn phẩm khác của Tổng công ty;
2. Các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, cổng thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN;
3. Các phương tiện công bố thông tin của SGDCK bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, trang thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK;
4. Phương tiện công bố thông tin của TTLKCK: trang thông tin điện tử của TTLKCK;
5. Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hình thức công bố thông tin

1. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
2. Trường hợp UBCKNN, SGDCK triển khai hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin thông qua cổng trực tuyến, hình thức công bố thông tin sẽ được thực hiện theo hướng dẫn có liên quan của UBCKNN, SGDCK.
3. Trang thông tin điện tử của Tổng công ty phải có chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ TCT, Quy chế quản trị nội bộ (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin phải công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật.
Địa chỉ trang thông tin điện tử của Tổng công ty và mọi thay đổi về địa chỉ này (nếu có) được công khai và được thông báo với UBCKNN, SGDCK trong thời

hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về địa chỉ trang thông tin điện tử này.

CHƯƠNG II

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, trực tiếp thực hiện hoạt động công bố thông tin theo trình tự, thủ tục phù hợp với Quy chế này và quy định của pháp luật.
2. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty không trực tiếp công bố thông tin thì có thể ủy quyền cho người khác thực hiện.
3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do mình hoặc người được ủy quyền công bố thông tin (trong trường hợp ủy quyền) công bố.

Điều 7. Người được ủy quyền công bố thông tin

1. Người được ủy quyền công bố thông tin là người được người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty ủy quyền công bố thông tin và được lựa chọn từ các đối tượng sau: Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc ban, Trưởng phòng thuộc Tổng công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải ký giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu 01 tại Phụ lục 3 của Quy chế này đồng thời gửi sơ yếu lý lịch của người được ủy quyền công bố thông tin và danh sách người có liên quan với người được ủy quyền công bố thông tin tới UBCKNN, SGDCK để đăng ký theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền hạn và trách nhiệm của người thực hiện công bố thông tin

1. Đại diện cho Tổng công ty trong công tác công bố thông tin;
2. Yêu cầu các bộ phận có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn;
3. Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc (trường hợp được ủy quyền) về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này;
4. Theo dõi những công việc có liên quan hoặc ảnh hưởng đến việc công bố thông tin của Tổng công ty;
5. Chịu trách nhiệm trước Tổng công ty và pháp luật về các thông tin công bố.

Điều 9. Thay đổi người công bố thông tin

1. Người công bố thông tin được thay đổi trong các trường hợp sau:
 - a) Thôi đảm nhiệm chức vụ/ công việc được giao;
 - b) Mất khả năng thực hiện nhiệm vụ;
 - c) Có hành vi cố ý vi phạm các quy định về công bố thông tin;
 - d) Theo quyết định của người đại diện theo pháp luật Tổng công ty (trường hợp người công bố thông tin là người được ủy quyền thực hiện việc công bố thông tin);
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trường hợp thay đổi người công bố thông tin, Tổng công ty phải gửi văn bản thông báo thay đổi theo mẫu 02 tại Phụ lục 3 của Quy chế này, sơ yếu lý lịch và danh sách người có liên quan với người được thay đổi cho UBCKNN và SGDK ít nhất 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

CHƯƠNG III

NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mục 1 – Nội dung công bố thông tin của Tổng công ty

Điều 10. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính
 - a) Báo cáo tài chính năm: Tổng công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán chậm nhất là mười (10) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Trường hợp Tổng công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm khi có yêu cầu bằng văn bản của Tổng công ty, nhưng tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

- Nội dung công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm bao gồm Báo cáo tài chính năm của riêng Tổng công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính tương ứng.

Trường hợp tổng công ty vừa là công ty mẹ, vừa là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân thì phải công bố thông tin báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính tổng hợp

- Thành phần của Báo cáo tài chính năm bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán.

- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính có chỉ dẫn đến Phụ lục, Phụ lục phải được công bố cùng Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày cụ thể các nội dung về giao dịch với các bên liên quan theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Trường hợp Báo cáo tài chính năm lập theo đơn vị tiền tệ trong kế toán là ngoại tệ thì Tổng công ty phải công bố đồng thời Báo cáo tài chính năm bằng đồng ngoại tệ và Báo cáo tài chính năm quy đổi ra đồng Việt Nam. Báo cáo tài chính năm quy đổi ra đồng Việt Nam phải có ý kiến xác nhận của tổ chức kiểm toán đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm bằng ngoại tệ được quy đổi về tỷ giá quy đổi và tính chính xác của việc quy đổi;

- Tổng công ty phải công bố đầy đủ nội dung thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDC (trường hợp Tổng công ty có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDC), đồng thời đăng tải ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm trên một (01) số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc kèm theo địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán và/hoặc địa chỉ cung cấp Báo cáo tài chính năm và Báo cáo kiểm toán để nhà đầu tư tham khảo;

- Báo cáo tài chính năm và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Tổng công ty để nhà đầu tư tham khảo.

- Trường hợp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán có các ý kiến ngoại trừ/lưu ý thì Tổng công ty phải công bố thông tin về giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/lưu ý đó.

- b) Báo cáo tài chính bán niên: Tổng công ty phải lập và công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên (06 tháng đầu năm tài chính) đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo Chuẩn mực kiểm toán về công tác soát xét Báo cáo tài chính trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá bốn lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Tổng công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty cũng phải lập báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, báo cáo tài chính bán niên tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính bán niên khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty, nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

- Nội dung công bố báo cáo tài chính bán niên bao gồm báo cáo tài chính của Tổng công ty và báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ báo cáo tương ứng.

- Báo cáo tài chính bán niên kèm theo toàn bộ Báo cáo công tác soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp Tổng công ty có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK) và phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Tổng công ty để nhà đầu tư tham khảo.

- Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải là tổ chức kiểm toán được chấp thuận đã được chọn để kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

- Trường hợp Báo cáo tài chính bán niên được soát xét có các ý kiến ngoại trừ/lưu ý thì Tổng công ty phải công bố thông tin về giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/lưu ý đó.

c) Báo cáo tài chính quý (Quý I, quý II, quý III và quý IV): Tổng công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính quý của Tổng công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Tổng công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất hoặc báo cáo tài chính quý tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty cũng phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất, báo cáo tài chính quý tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính quý khi có yêu cầu bằng văn bản của Tổng công ty, nhưng tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

- Thành phần của Báo cáo tài chính quý của Tổng công ty bao gồm Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán;

- Tổng công ty phải công bố đầy đủ Báo cáo tài chính quý trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Tổng công ty để nhà đầu tư tham khảo theo quy định của pháp luật
- d) Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính năm, bán niên, quý, Tổng công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
 - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.
- e) Trường hợp Tổng công ty có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản d Mục này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.
2. Báo cáo thường niên:
- a) Tổng công ty phải lập Báo cáo thường niên theo mẫu 03 tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này và công bố thông tin về Báo cáo thường niên chậm nhất là hai mươi (20) ngày sau khi công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
 - b) Việc công bố thông tin phải được thực hiện trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Tổng công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp Tổng công ty có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK) và lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Tổng công ty để nhà đầu tư tham khảo.
 - c) Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

3. Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty
 - a) Định kỳ sáu (06) tháng và năm, Tổng công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo mẫu 04 tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCK (trường hợp Tổng công ty có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK). Thời hạn báo cáo và công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty sáu (06) tháng và năm chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;
 - b) Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại điểm a) Khoản 3 Điều này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp Tổng công ty có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK).
4. Công bố thông tin về việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên
 - a) Tổng công ty phải công bố thông tin định kỳ về Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên;
 - b) Tổng công ty phải công bố toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp trên trang thông tin điện tử đồng thời với việc gửi thông báo về việc mời họp và hướng dẫn truy cập trang thông tin điện tử về việc họp và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất là mười (10) ngày;
 - c) Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Tổng công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b) khoản này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.
5. Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán
 - a) Tổng công ty thực hiện chào bán chứng khoán phải tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán.
 - b) Trường hợp Tổng công ty chào bán chứng khoán ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư, định kỳ sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN và phải công bố thông tin trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Tổng công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp Tổng công ty có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK) về tiến độ sử

dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, Tổng công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

- c) Tổng công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- d) Tổ chức phát hành phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp Tổng công ty chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp.

6. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tổng công ty phải công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Tổng công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, của Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

7. Công bố thông tin về danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn.

Tổng công ty gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch. Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/06, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/7; Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo

Điều 11. Công bố thông tin bất thường

- 1. Tổng công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của Tổng công ty;
 - b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

- c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
- d) Quyết định về việc mua lại cổ phiếu của Tổng công ty hoặc bán lại số cổ phiếu đã mua; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
- e) Quyết định (kèm Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu) về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng; về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; tách, gộp cổ phiếu; giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- f) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;
- g) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;
- h) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;
- i) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;
- j) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Tổng công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Tổng công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong Tổng công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Tổng công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, Tổng công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

Tổng công ty có trách nhiệm công bố khối lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trên trang thông tin điện tử của mình và cập nhật dữ liệu trong vòng 24 giờ kể từ khi báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc các trường hợp khác dẫn đến thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết

- k) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung;
- l) Tổng công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính;

Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Tổng công ty thực hiện báo cáo SGDC trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi theo biểu Mẫu 04_CBTT/SGDHN và Mẫu 03_CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế Công bố thông tin tại sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 9 năm 2016

- m) Khi có quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng công ty;
- n) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;

- o) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu có giá trị từ ba mươi phần trăm (30%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi;

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Tổng công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Tổng công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

- p) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
 - q) Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty.
 - r) Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát ;
 - s) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát
2. Tổng công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và kể từ khi được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.
3. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
- a) Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Quy chế này;
 - b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Tổng công ty Viglacera - CTCP phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.
Tổng công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
Trường hợp tổ chức đăng ký giao dịch hủy thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo quy định của SGDCK, tổ chức đăng ký giao dịch gửi thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do trong vòng 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời công bố thông tin về việc hủy nội dung thông báo.
5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:
- a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng công ty Viglacera - CTCP công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;
 - b) Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Tổng công ty Viglacera - CTCP công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;
 - c) Sau khi chia, tách, sáp nhập, Tổng công ty Viglacera - CTCP là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.
6. Tổng công ty phải công bố thông tin về các sự kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trên, trang thông tin điện tử của Tổng công ty và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp Tổng công ty có chứng khoán niêm yết trên SGDCK). Nội dung công bố thông tin bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Tổng công ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK (trường hợp Tổng công ty có

chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK) trong các sự kiện sau đây:

- a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b) Có thông tin liên quan đến Tổng công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Tổng công ty phải công bố thông tin theo yêu cầu trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Tổng công ty, phương tiện thông tin đại chúng và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp Tổng công ty có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK). Nội dung công bố thông tin phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tổng công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 13. Công bố thông tin liên quan đến việc phát hành trái phiếu

1. Tổng công ty khi phát hành trái phiếu ra công chúng phải tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.
2. Trường hợp Tổng công ty chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư, định kỳ sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK (trường hợp Tổng công ty có chứng khoán niêm yết trên SGDCK) và công bố thông tin trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Tổng công ty và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp Tổng công ty có chứng khoán niêm yết trên SGDCK) về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, Tổng công ty phải công bố thông tin về lý do và Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông về sự thay đổi trước khi có sự thay đổi đó.
3. Tổng công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.

Mục 2 – Nội dung công bố thông tin của các đối tượng khác

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn của Tổng công ty phải báo cáo về sở hữu cho Tổng công ty, UBCKNN, SGDCK (trường hợp Tổng công ty có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK) theo mẫu 05 tại Phụ lục 3 của Quy chế này trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn.

2. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty có thay đổi về số lượng cổ phiếu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm... hoặc không thực hiện giao dịch cổ phiếu) phải thực hiện báo cáo trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu 06 tại Phụ lục 3 của Quy chế này cho Tổng công ty, UBCKNN, SGDCK (trường hợp Tổng công ty có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK).
3. Thời điểm bắt đầu/kết thúc việc nắm giữ từ năm phần trăm (5%) số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán, ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:
 - a) Trường hợp giao dịch được thực hiện qua SGDCK: thời điểm được tính kể từ lúc kết thúc chu kỳ thanh toán giao dịch;
 - b) Trường hợp giao dịch không được thực hiện qua SGDCK: thời điểm được tính kể từ lúc việc chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất tại TTLKCK;
 - c) Trường hợp thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm: thời điểm được tính kể từ lúc Tổng công ty hoàn thành đợt chào bán.

Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ trong trường hợp Tổng công ty có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK

- 1 Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng), Tổng công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Tổng công ty Viglacera - CTCP, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng hoặc chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...) theo mẫu 07 hoặc 08 tại Phụ lục 3 của Quy chế này. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ Sở giao dịch chứng khoán.

Người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Tổng công ty Viglacera - CTCP hoặc chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

- 2 Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch đã đăng ký (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người thực hiện giao dịch phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng) và Tổng công ty về kết quả thực hiện giao dịch cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu 09 và 10 tại Phụ lục 3 của Quy chế này. Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- 3 Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Tổng công ty Viglacera - CTCP, người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.
- 4 Trường hợp người nội bộ của Tổng công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
- 5 Trường hợp cơ quan chủ sở hữu vốn hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Tổng công ty Viglacera - CTCP (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Tổng công ty Viglacera - CTCP phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại khoản 1, 2, 3 Điều này.
- 6 Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi hoặc giao dịch chứng chỉ quỹ đóng, quyền mua chứng chỉ quỹ đóng của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Tổng công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

1. Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của Tổng công ty phải gửi tài liệu đăng ký chào mua đến UBCKNN và Tổng công ty.
2. Trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, Tổng công ty có nghĩa vụ công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua

trên phương tiện công bố thông tin của Tổng công ty và SGDCK nơi Tổng công ty có chứng khoán niêm yết (nếu có).

3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, Hội đồng quản trị Tổng công ty phải gửi UBCKNN và thông tin cho cổ đông hoặc nhà đầu tư biết ý kiến của Tổng công ty đối với đề nghị chào mua công khai. Tài liệu gửi UBCKNN phải được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử theo quy định của UBCKNN. Ý kiến của Hội đồng quản trị Tổng công ty phải được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký của đa số thành viên Hội đồng quản trị và phải nêu rõ đánh giá của Hội đồng quản trị đối với việc chào mua cổ phiếu. Trường hợp có ý kiến thành viên Hội đồng quản trị khác với đánh giá của Hội đồng quản trị, các bên có liên quan phải công bố kèm theo ý kiến này.
4. Trong trường hợp tăng giá chào mua, bên chào mua phải công bố việc tăng giá ít nhất bảy (07) ngày trước khi kết thúc đợt chào mua và phải đảm bảo giá tăng thêm được áp dụng đối với tất cả các cổ đông của Tổng công ty kể cả các cổ đông đã chấp nhận bán cho bên chào mua.
5. Trong trường hợp rút lại đề nghị chào mua, bên chào mua phải báo cáo UBCKNN việc rút lại đó và phải công bố công khai việc rút lại đề nghị chào mua trên một (01) trang báo điện tử hoặc một (01) tờ báo viết trong ba (03) số liên tiếp sau khi được UBCKNN chấp thuận.
6. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBCKNN về đề nghị chào mua, bên chào mua phải công bố công khai việc chào mua trên một (01) trang báo điện tử hoặc một (01) tờ báo viết trong ba (03) số liên tiếp. Việc chào mua công khai chỉ được thực hiện sau khi UBCKNN có văn bản chấp thuận đăng ký chào mua và đã được tổ chức, cá nhân chào mua công bố theo phương thức nêu trên.
7. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai phải thông báo cho UBCKNN về việc tiếp tục chào mua công khai trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai, đồng thời công bố thông tin về việc tiếp tục chào mua theo quy định của Luật chứng khoán.
8. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai, tổ chức hoặc cá nhân thực hiện chào mua công khai phải gửi UBCKNN báo cáo kết quả chào mua công khai, đồng thời công bố thông tin về kết quả chào mua công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng bao gồm trang thông tin của SGDCK nơi Tổng công ty có chứng khoán niêm yết (nếu có).

Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

Việc công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ được thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

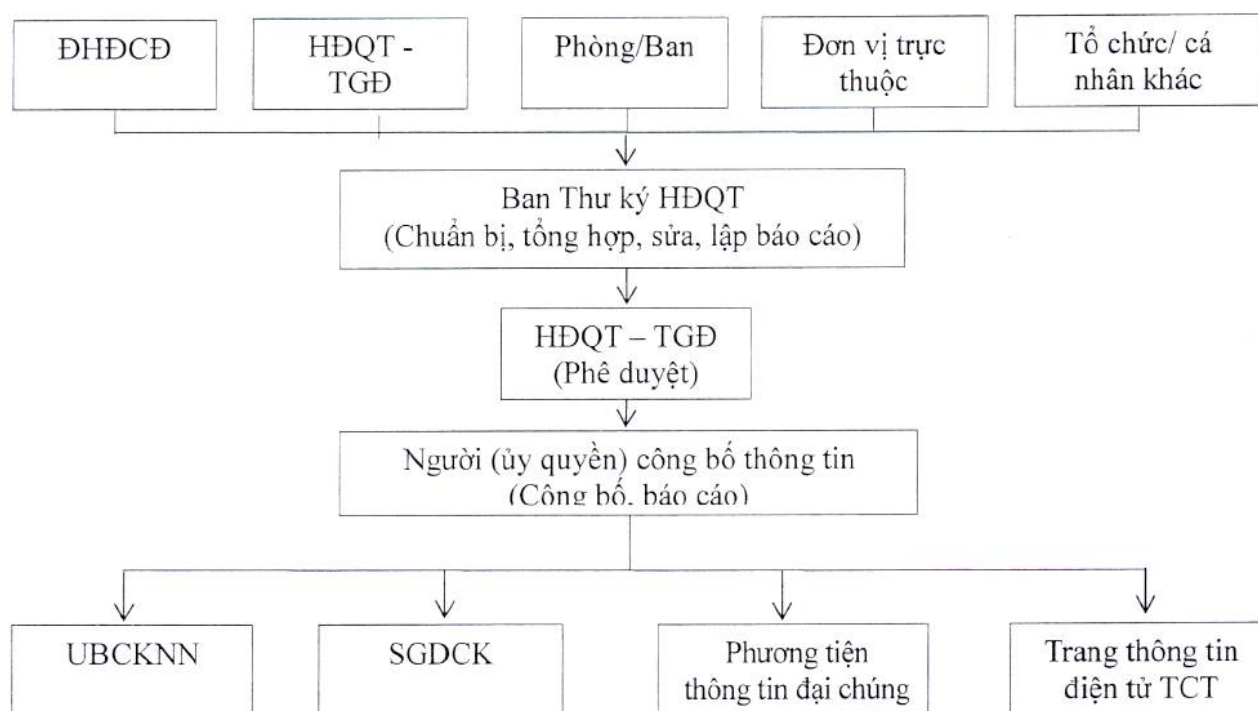
Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu

CHƯƠNG IV

QUY TRÌNH XỬ LÝ, CÔNG BỐ VÀ LƯU TRỮ THÔNG TIN

Điều 18. Sơ đồ quy trình công bố thông tin của Tổng công ty

Quy trình công bố thông tin của Tổng công ty được thực hiện theo sơ đồ sau:



Điều 19. Chuẩn bị công bố thông tin

- Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin của Tổng công ty là Ban thư ký Hội đồng quản trị Tổng công ty.
- Vào thời điểm kết thúc quý, năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố theo quy định tại Mục 1 – Chương III Quy chế này, Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin thông báo tới các phòng/ ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc và các tổ chức/ cá nhân có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố.
- Các phòng/ ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc và tổ chức/ cá nhân có liên quan phải chuyển các thông tin được yêu cầu đến Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin của Tổng công ty chậm nhất là bảy (07) ngày trước thời hạn mà Tổng

- công ty phải công bố (Các trường hợp công bố thông tin bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).
4. Thông tin của các tổ chức/ cá nhân có liên quan phải được lập thành văn bản theo đúng mẫu (nếu có) và có ký xác nhận nội dung của thông tin. Tổ chức/ cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về thông tin chuyển cho Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin.

Điều 20. Xử lý thông tin

1. Khi nhận được thông tin do các tổ chức/ cá nhân có liên quan cung cấp, Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin phải kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định định về công bố thông tin và soạn theo văn bản công bố thông tin theo mẫu (nếu có) trình Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc phê duyệt theo thẩm quyền.
2. Việc xử lý thông tin phải được thực hiện trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông tin (Các trường hợp công bố thông tin bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Điều 21. Phê duyệt thông tin

1. Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có thẩm quyền phê duyệt toàn bộ thông tin trước khi công bố.
2. Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc phê duyệt thông tin trong vòng ba (03) ngày trước ngày Tổng công ty phải công bố thông tin theo quy định (Các trường hợp công bố thông tin bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Điều 22. Công bố thông tin

1. Người công bố thông tin có trách nhiệm công bố thông tin đã được phê duyệt bằng cách gửi văn bản công bố thông tin đến UBCKNN và/hoặc SGDCK theo quy định.
2. Đồng thời với việc công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, người công bố thông tin phải đăng tải thông tin trên và cổng thông tin điện tử của Tổng công ty và/ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật; Quy chế này và phải chịu trách nhiệm về nội dung đăng tải.

Điều 23. Lập hồ sơ lưu trữ thông tin

1. Các tổ chức/ cá nhân có liên quan khi cung cấp thông tin phải lập hồ sơ lưu tại đơn vị mình.
2. Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin, Người công bố thông tin phải lập hồ sơ cho từng thông tin được công bố kèm theo bản sao văn bản công bố thông tin đã công bố để lưu trữ tại Tổng công ty theo quy định của pháp luật và các Quy chế của Tổng công ty.

Điều 24. Tạm hoãn và bảo lưu chưa công bố thông tin

1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng và những trường hợp khác được UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố thông tin, Người thực hiện công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCK ngay khi xảy ra trường hợp bất khả kháng hoặc trước thời hạn công bố thông tin để đề nghị UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn, bảo lưu việc công bố và phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.
2. Việc tạm hoãn và bảo lưu công bố thông tin được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản phải được công bố trên cổng thông tin điện tử của Tổng công ty và UBCKNN, SGDCK, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

Điều 25. Cải chính thông tin

1. Tổng công ty có trách nhiệm cải chính thông tin do Người công bố thông tin đã công bố hoặc yêu cầu bất kỳ tổ chức/ cá nhân nào phát ngôn, đăng tải, sử dụng thông tin không đúng hoặc sai lệch về Tổng công ty cải chính thông tin.
2. Việc cải chính thông tin của Tổng công ty được thực hiện theo quy trình tại Điều 18 của Quy chế này.
3. Người công bố thông tin của Tổng công ty là người có quyền yêu cầu các đối tượng khác cải chính thông tin về Tổng công ty.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật và của Tổng công ty về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt

vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quy chế công bố thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 117/TCT-HĐQT ngày 05/12/2014 bởi Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera – CTCP.
2. Các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh và áp dụng Quy chế này có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị Tổng công ty xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó của pháp luật đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty.

Hà Nội, ngày 22 tháng 2 năm 2017

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Luyện Công Minh

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

TT	Thông tin công bố	Phòng/ Ban có liên quan	Thẩm quyền phê duyet	Thời hạn công bố	Phương tiện công bố	Ghi chú
1	Báo cáo tình hình quản trị công ty (năm)	TCKT, BKS	TGD	30/1	UBCKNN, SGDCK, website TCT	Mẫu 04
2	Báo cáo tài chính quý IV năm trước (Báo cáo riêng, báo cáo hợp nhất)	TCKT, BKS	Phó TGD (Theo ủy quyền)	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý, hoặc 30 kể từ ngày kết thúc quý nếu được UBCKNN gia hạn	UBCKNN, SGDCK, website TCT	
3	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán (Báo cáo riêng, báo cáo hợp nhất)	TCKT, BKS	TGD	- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; Hoặc 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được UBCKNN gia hạn.	Đăng báo, UBCKNN, SGDCK, website TCT	
4	Báo cáo thường niên	TCKT, KHĐT; BKS	TGD	20 ngày sau ngày công bố BCTC năm được kiểm toán, và không vượt quá 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	UBCKNN, SGDCK, website TCT	Mẫu 03
5	Báo cáo tài chính	TCKT,	Phó TGD	- Trong thời	UBCKNN,	

	Quý I (báo cáo riêng, báo cáo cáo hợp nhất)	BKS	(Theo ủy quyền)	hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; hoặc Nếu được UBCKNN gia hạn thì tối đa là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý	SGDCK, website TCT	
6	Báo cáo tình hình quản trị (bán niên)	TCKT, BKS	TGĐ	30/07	UBCKNN, SGDCK, website TCT	Mẫu 04
7	Báo cáo tài chính Quý II (báo cáo riêng, báo cáo cáo hợp nhất)	TCKT, BKS	Phó TGĐ (Theo ủy quyền)	- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; hoặc Nếu được UBCKNN gia hạn thì tối đa là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý	UBCKNN, SGDCK, website TCT	
8	Báo cáo tài chính bán niên (Báo cáo riêng, báo cáo cáo hợp nhất) đã được soát xét	TCKT, BKS	TGĐ	- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính; - Trường hợp được UBCKNN gia hạn thì tối đa là 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.	Đăng báo, UBCKNN, SGDCK, website TCT	

9	Báo cáo tài chính Quý III (Báo cáo riêng, báo cáo hợp nhất)	TCKT, BKS	TGĐ	- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; hoặc Nếu được UBCKNN gia hạn thì tối đa là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý	UBCKNN, SGDCK, website TCT	
10	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Kèm theo các hồ sơ theo quy định)	TCKT, KHĐT; BKS	HĐQT	10 ngày trước ngày khai mạc	Gửi thư, đăng báo, UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
11	Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên	TCKT, KHĐT; BKS	HĐQT	24h kể từ thời điểm được thông qua	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
12	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ	TCKT, KHĐT; BKS	TGĐ	6 tháng/lần kể từ ngày kết thúc chào bán	Đăng báo, UBCKNN, SGDCK, Website TCT	

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG BỐ BẤT THƯỜNG VÀ THEO YÊU CẦU

TT	Thông tin công bố	Phòng/ Ban có liên quan	Thẩm quyền phê duyet	Thời hạn công bố	Phương tiện công bố	Ghi chú
1	Tài khoản bị phong tỏa hoặc hoạt động trở lại sau phong tỏa	TCKT, BKS	TGD	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
2	Tạm ngừng kinh doanh hoặc bị thu hồi GCN ĐKDN, bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh.	TCLĐ, BKS	HDQT	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
3	Quyết định của Đại hội cổ đông bao gồm Nghị quyết, Biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)	TCKT, KHĐT, TCLĐ, BTM, PCĐN, BSX..	HDQT	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
4	Quyết định của HĐQT về một số vấn đề có liên quan	TCKT, TCLĐ, KHĐT BKS	HDQT	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
5	Báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ, không chấp nhận hoặc từ chối; thông tin về công ty kiểm toán; kết quả điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính	TCKT, BKS	TGD	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
6	Thay đổi nhân sự chủ chốt của TCT	TCLĐ, BKS	HDQT/ TGD	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	

TT	Thông tin công bố	Phòng/ Ban có liên quan	Thẩm quyền phê duyet	Thời hạn công bố	Phương tiện công bố	Ghi chú
7	Quyết định khởi tố, bản án, quyết định của tòa án đối với nhân sự chủ chốt của TCT hoặc liên quan đến TCT; kết luận của cơ quan thuế về việc TCT vi phạm pháp luật thuế; Quyết định tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của TCT.	TCLĐ, PCĐN, BKS	HĐQT/ TGD	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
8	Thông báo thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	TCKT, TCLĐ, PCĐN, BKS	HĐQT/ TGD	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
9	Quyết định vay/phát hành trái phiếu có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; trái phiếu chuyển đổi	TCKT, BKS	HĐQT	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
10	Thay đổi nội dung GCNĐKDN, GPHĐ	TCLĐ, BKS	TGD	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
11	Thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang	TCKT, BKS	HĐQT	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	

TT	Thông tin công bố	Phòng/ Ban có liên quan	Thẩm quyền phê duyet	Thời hạn công bố	Phương tiện công bố	Ghi chú
	lưu hành do phát hành thêm; mua bán cổ phiếu quỹ tính tại thời điểm chứng khoán được đăng ký tại TTLKCK					
12	Sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD/ tình hình quản trị của TCT	TCKT, KHĐT, BDS, BKS	TGD	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
13	Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên	TCKT, BKS	TGD	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
14	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được	TCKT, TCLĐ, BKS	HDQT	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	

TT	Thông tin công bố	Phòng/ Ban có liên quan	Thẩm quyền phê duyet	Thời hạn công bố	Phương tiện công bố	Ghi chú
	soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)					
15	Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT về việc mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của TCT tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.	TCKT, KHĐT, BKS	HĐQT	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
16	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là	TCLĐ, BKS	TGD	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	

TT	Thông tin công bố	Phòng/ Ban có liên quan	Thẩm quyền phê duyet	Thời hạn công bố	Phương tiện công bố	Ghi chú
	công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; Đóng mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện					
17	Giải trình liên quan đến các số liệu tài chính do TCT phải công bố thông tin khác với số liệu tài chính tại Báo cáo tài chính được kiểm toán	TCKT, BKS	TGD	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
18	Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài	TCKT, KHĐT, BKS	TGD	24h kể từ khi xảy ra	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
19	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	TCKT, KTĐT, BDS, TM, TCLĐ, BKS	HDQT	24h kể từ khi xảy ra	Đăng báo, UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
20	Có thông tin ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	TCKT, KHĐT, BKS	TGD	24h kể từ khi xảy ra	Đăng báo, UBCKNN, SGDCK, Website TCT	
21	Báo cáo phát hành trái phiếu	TCKT, BKS	TGD	6 tháng/lần kể từ ngày kết	UBCKNN, SGDCK, Website TCT	

TT	Thông tin công bố	Phòng/ Ban có liên quan	Thẩm quyền phê duyet	Thời hạn công bố	Phương tiện công bố	Ghi chú
				thúc chào bán		
22	Thay đổi người được ủy quyền công bố thông tin	TCLĐ, BKS	TGD	5 ngày trước khi thay đổi		Mẫu 02
23	Công bố về việc nhận được đề nghị chào mua công khai	TCKT, BKS	HĐQT	3 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua	SDGCK, Website TCT	
24	Ý kiến của HĐQT TCT về đề nghị chào mua công khai	TCKT, BKS	HĐQT	10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua	Ý kiến của HĐQT phải thể hiện bằng văn bản. Tài liệu gửi UBCKNN phải được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử theo quy định của UBCKNN	

PHỤ LỤC 3

MỘT SỐ BIỂU MẪU THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Danh mục các biểu mẫu

1. Mẫu 01 – Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin
2. Mẫu 02 – Bản cung cấp thông tin
3. Mẫu 03 – Báo cáo thường niên
4. Mẫu 04 – Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty
5. Mẫu 05 – Báo cáo về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn
6. Mẫu 06 – Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn
7. Mẫu 07 – Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
8. Mẫu 08 – Thông báo giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan
9. Mẫu 09 – Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan
10. Mẫu 10 – Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/ trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan

MẪU 01 - GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
FORM 01 - POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA – CTCP
VIGLACERA CORPORATION - JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: /TCT-

Hà Nội, ngày ... tháng... năm.....

No: /TCT-

Hanoi, day ... month... year.....

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- (Sở Giao dịch chứng khoán)

To: - The State Securities Commission
- The Stock Exchange

I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”) (là tổ chức có nghĩa vụ công bố thông tin)/Mandator (hereinafter referred to as “Party A” - is a company, organization subject to disclosure information):

- Tên giao dịch của tổ chức, công ty/ Trading name of organization, company:

.....

- Mã chứng khoán/Securities code:

- Địa chỉ liên lạc/Address:

- Điện thoại/Telephone: Fax: Email: - Website:

.....

II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”) /Authorized party (hereinafter referred to as “Party B”):

- Ông (Bà)/Mr (Ms/Mrs):

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.): Ngày cấp/Date of issue..... Nơi cấp/Place of issue.....

- Địa chỉ thường trú/ Permanent residence:

- Chức vụ tại tổ chức, công ty/ Position in the organization, company:

III. Nội dung ủy quyền (Content of authorization):

- Bên A ủy quyền cho Bên B làm “Người được ủy quyền công bố thông tin” của Bên A/Party B is appointed as the “Authorized person to disclose information” of Party A.

- Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.

Party B is responsible on behalf of Party A to perform the disclosure obligations fully, accurately and promptly in accordance with the law.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày/ *This Power of Attorney shall take effect from... ..* đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của/ *until a written notice of revocation is submitted by.....* (Tên tổ chức, công ty, công ty quản lý quỹ)/ *(Name of organization, company/ Name of fund management company).*

BÊN A /PARTY A
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
LEGAL REPRESENTATIVE
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)

BÊN B /PARTY B
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Tài liệu đính kèm/Attachments:

- Bản cung cấp thông tin người được ủy quyền công bố thông tin theo Mẫu 05/*Curriculum vitae of the authorized person to disclose information as Form 05;*

MẪU 02 - BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
FORM 02 - CIRRICULLUM VITAE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm

....., day month year

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán
To: - The State Securities Commission
- The Stock Exchange

- 1/ Họ và tên /Full name:
- 2/ Giới tính/Sex:
- 3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth:
- 4/ Nơi sinh/Place of birth:
- 5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu/ số thẻ căn cước)/ID card No. (or Passport No./ citizen ID No.): Ngày cấp/Date of issue..... Nơi cấp/Place of issue
- 6/ Quốc tịch/Nationality:
- 7/ Dân tộc/Ethnic:
- 8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:
- 9/ Số điện thoại/Telephone number:
- 10/ Địa chỉ email/Email:
- 11/ Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty Viglacera - CTCP/Current position at Viglacera Corporation - JSC:
- 12/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in others companies:
- 13/ Số CP nắm giữ:, chiếm% vốn điều lệ, trong đó:/Number of shares in possession....., accounting for% of registered capital, of which:
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:/Possess on behalf of (State/strategic investor/other institution):
+ Cá nhân sở hữu/ Possess for own account:
- 14/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other commitment of holding shares (if any):

15/ Danh sách người có liên quan của người khai*/List of related persons of declarant:

STT No.	Tên cá nhân/tổ chức/ Name of individual/ institution al related person	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ Number of ID or Passport (for individual) or Number of Business Registration, License of Operation or equivalent legal documents (for institution), date of issue, place of issue	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera – CTCP (nếu có)/ Number of shares/fund certificates in possession, ownership rate of registered capital of Viglacera Corporation – JSC (if any)	Mối quan hệ/ Relationship

16/ Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty Viglacera - CTCP (nếu có)/Related interest with Viglacera Corporation – JSC (if any):

17/ Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty Viglacera – CTCP (nếu có)/ Conflict interest with Viglacera Corporation – JSC (if any):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006
Related persons are stipulated in Article 34, paragraph 34 of the Law on Securities dated 29th June 2006

MẪU 03 - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
FORM 03 - ANNUAL REPORT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
Tổng Công ty Viglacera - CTCP/ Viglacera Corporation - JSC
Năm báo cáo/Year

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ Trading name:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ Certificate of business registration No:
- Vốn điều lệ/ Charter capital:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital:
- Địa chỉ/ Address:
- Số điện thoại/ Telephone:
- Số fax/ Fax:
- Website:
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ Securities code (if any):

Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

- Các sự kiện khác/ Other events

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/ Lines of the business: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

- Địa bàn kinh doanh/ Location of business: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/ Governance model.
- Cơ cấu bộ máy quản lý/ Management structure.
- Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ (Specify the names, addresses, major

fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies).

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ Main objectives of the Company.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ Development strategies in medium and long term.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.

5. Các rủi ro/ Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp.../Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ Implementation situation/actual progress against the plan: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.

2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers).

- Những thay đổi trong ban điều hành/ Changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management of the year).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).*

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year <i>X - 1</i>	Năm/Year <i>X</i>	% tăng giảm/ <i>% change</i>
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i> Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i> Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i> Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i> Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i> Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i> Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i> Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i> Doanh thu/ <i>Revenue</i> Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			

Lợi nhuận trước thuế/ Before tax profit			
Lợi nhuận sau thuế/After tax profit			

- Các chỉ tiêu khác/ other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year X - 1	Năm/Year X	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio + Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt) + Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)			
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio + Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở			

hữu (profit after tax/ total capital Ratio) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)			
---	--	--	--

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bank financial institutions:

Chỉ tiêu/Figures	Năm/Year X-1	Năm/Year X	Ghi chú/Note
1. Quy mô vốn/ Capital scale			
- Vốn điều lệ/ Charter Capital			
- Tổng tài sản có/ Total assets			
- Tỷ lệ an toàn vốn/Capital adequacy ratio			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results			
- Doanh số huy động tiền gửi/ Cash deposits			
- Doanh số cho vay/Lendings			
- Doanh số thu nợ/Debt collection			
- Nợ quá hạn/ Outstanding debts			
- Nợ khó đòi/Bad debt			
- Hệ số sử dụng vốn/ Incremental Capital Output Ratio			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (Bad debt/Total debt Ratio)			
3. Khả năng thanh khoản/ Solvency			
- Khả năng thanh toán ngay/Short term solvency			

- Khả năng thanh toán chung/ General solvency			
---	--	--	--

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties

e) Các chứng khoán khác/ Other securities: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding

commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ Energy consumption - directly and indirectly.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ Energy savings through initiatives of efficiently using energy.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ Water supply and amount of water used.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ Percentage and total volume of water recycled and reused.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ Number of employees, average wages of workers.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ Training employees

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/The Company's achievements.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh

doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

b) *Tình hình nợ phải trả/ Liabilities*

- *Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ Current debts, major changes of debts.*

- *Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future*

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).*

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers*

c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ Review concerning corporate responsibility towards the local community*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance*

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).

1. *Hội đồng quản trị/ Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ (list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/The committees of the Board of Director: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Activities of independent members of the Board of Directors. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ Activities of the committees of the Board of Directors: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Members and structure of the Board of Supervisors: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Activities of the Board of Supervisors: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ Transactions of internal shareholders: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Implementation of regulations on corporate governance: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance).

VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

MẪU SỐ 04 -BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
FORM 04 -REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA – CTCP
VIGLACERA CORPORATION - JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: /TCT-

Hà Nội, ngày ... tháng... năm.....

No: /TCT-

Hanoi, day ... month... year.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY
(6 tháng/năm)
(6 months/year)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
To: - The State Securities Commission
- The Stock Exchange

- Tên công ty niêm yết/Name of listing company:
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice:
- Điện thoại/ Telephone: Fax: Email:
- Vốn điều lệ/ Charter capital:
- Mã chứng khoán/ Securities code:

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/ Information on meetings and resolutions / decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Board of Management (Semi-annual/annual reports):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Information about the members of the Board of Management:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ BOM's member	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ Day becoming/no longer member of the Board of Management	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp/ Percentage	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
	Ông/Bà Mr./Ms.					
						

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ Supervision by the BOD over the Director (General Director):

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ Activities of the Board of Directors' committees:

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual/annual reports):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Supervisory Board (Semi-annual/annual reports):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ Information about members of Supervisory Board:

Stt No.	Thành viên BKS Members of Supervisory Board	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS Day becoming/no longer member of the Supervisory Board	Số buổi họp BKS tham dự Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp Percentage	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
	Ông/Bà Mr./Ms.					
						

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông
Surveillance activities of the Supervisory Board toward the Board of Management, Board of Directors and shareholders:

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Supervisory Board with the Board of Management, Board of Directors and different managers:*

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ *Other activities of the Supervisory Board (if any):*

IV. Đào tạo về quản trị công ty/ Training on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance which members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance:*

V. Danh sách về người có liên quan của Tổng Công ty Viglacera - CTCP (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của Tổng Công ty Viglacera - CTCP với chính Tổng Công ty Viglacera - CTCP/ List of affiliated persons of the Viglacera Corporation - JSC (Semi-annual/annual reports) and transactions of affiliated persons of the Viglacera Corporation - JSC with Viglacera Corporation - JSC)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *List of affiliated persons of the Company*

ST T No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organizati on/individu al	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securitie s trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the compan y (if any)	Số Giấy NSH* , ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Addres s	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliate d person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliate d person	Lý do Reason s

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the company and the affiliated persons or between the company and major shareholders, internal persons and related person of internal person.

ST T No	Tên tổ chức/cá nhân Name of organizati on/ individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationsh ip	Số Giấy NSH *, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue , place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Addre ss	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactio ns	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ / HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Number of resolutio ns / decisions of the AGM / BOM adopted (if any, specify date of issue)	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch Number, ownershi p proportio n of shares/fu nd certificat es hold after the transacti on	Ghi chú Not e

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ NSH*: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of

organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal person of listed company and company's subsidiaries, or the company in which listed company takes controlling power

St t N o.	Người thực hiện giao dịch Transac tion executo r	Quan hệ với người nội bộ Relation ship with internal person	Chức vụ tại CTNY Positt ion at listed comp any	Số CMND/H ộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Pas sport No. , date of issue, place of issue	Địa chỉ Addr ess	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát Name of subsidia ries, the compan y which listed compan y control	Thời điểm giao dịch Time of transac tion	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch/ Number , owners hip proport ion of shares/f und certific ates hold after the transac tion	Gh i ch ú No te

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ Transactions between the company and other objects

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting).

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ Transactions between the company and the company that related person of members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) as a member of Board of Management, Director (CEO).

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ Other transactions of the company (if any) may be beneficial material or immaterial for members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO).

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Transactions of internal persons and related person of internal person (Semi-annual/annual reports)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ List of internal persons and their affiliated persons

Stt No	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1	(Tên người nội bộ/ Name of internal person)							
	Tên người có liên quan của người							

	nội bộ/ Name affiliate d person							
	...							
2								

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/ Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company

Stt No	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationshi p with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reasons for increase, decrease (purchase , sale, switch, reward...)
			Số cổ phiếu Numbe r of shares	Tỷ lệ Percentag e	Số cổ phiếu Numbe r of shares	Tỷ lệ Percentag e	

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues

CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOD
(Ký tên và đóng dấu)
(Sign and seal)

MẪU 05 - BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN
FORM 05 - REPORT ON THE DAY BECOME / IS NO LONGER MAJOR SHAREHOLDERS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm
....., day ... month ... year

BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN
REPORT ON THE DAY BECOMING/NO LONGER BEING MAJOR SHAREHOLDERS

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Tổng công ty Viglacera - CTCP
- The State Securities Commission
- The Stock Exchange
- The Viglacera Corporation - JSC

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/ Information on individual/institutional investor

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư / Name of individual/institutional investor:

- Quốc tịch/ Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ Address:

- Điện thoại/ Telephone: Fax: Email: Website:

.....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu) /Related persons (currently holding the same types of shares):

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan /Full name of related individual/Name of institution:

- Quốc tịch/Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. or relevant legal documents (in case of organization), date of issue, place of issue.

- Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty Viglacera - CTCP(nếu có)/ Current position at the Viglacera Corporation – JSC (if any):

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/ Relationship with the individual/institutional investor:

3. Tên cổ phiếu/mã chứng khoán sở hữu/ Name & code of share owned:

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/ Trading account number with shares mentioned in paragraph 3 above: Tại công ty chứng khoán/In securities company:

6. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership proportion of shares held before the transaction:

6. Số lượng cổ phiếu đã mua/bán/cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/ Number of shares /fund certificate purchase/sell/give/donate/donated/ inheritance/transfer/transferred/swap at date on which change of ownership ratio and becoming/no longer being a major shareholder happened:

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi)/ Number, ownership proportion of shares hold after the transaction (or swap):

8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/ Trading date on which change of ownership ratio and becoming/no longer being a major shareholder happened:

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ/ Number, onwership proportion of shares currently held by the related person:

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/ Number, ownership proportion of shares held by individual/organization investor together with related persons after the transaction:

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)

MẪU 06 - BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN
FORM 06 - REPORT ON CHANGES IN OWNERSHIP OF MAJOR
SHAREHOLDERS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm
....., day ... month ... year

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN
REPORT ON CHANGES IN OWNERSHIP OF MAJOR SHAREHOLDERS

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Tổng công ty Viglacera - CTCP

To:

- The State Securities Commission
- The Stock Exchange
- The Viglacera Corporation - JSC

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/ Information on individual/institutional investor

- *Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư / Name of individual/organization investor:*

- Quốc tịch/ Nationality:

- Quốc tịch/ Nationality:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ Address:

- Điện thoại/ Telephone: Fax: Email: Website:

.....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu) /
Related person (currently holding the same types of shares):

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan / Full name of related individual/organization:

- Quốc tịch/Nationality:

- Quốc tịch/Nationality:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ

chức), ngày cấp, nơi cấp / ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.

- Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty Viglacera - CTCP/ công ty quản lý quỹ (nếu có)/ Current position at the Viglacera Corporation - JSC/fund management company (if any):

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/ Relationship with the individual/institutional investor:

3. Tên cổ phiếu/mã chứng khoán sở hữu/ Name & code of share owned:

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/ Trading account number with shares mentioned in paragraph 3 above: Tại công ty chứng khoán/In securities company:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership proportion of shares held before the transaction:

6. Số lượng cổ phiếu đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi (làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1%)/ Number of shares purchase/sell/give/donate/donated/inheritance/transfer/transferred/swap (to do percentage of ownership has changed over the threshold of one percent (1%):

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership proportion of shares hold after the transaction:

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người có liên quan đang nắm giữ/ Number, onwerhsip proportion of shares currently held by the related person:

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership proportion of shares held by individual/ organization investor and related person after the transaction:

10. Lý do thay đổi sở hữu/ Reasons for change in ownership:

11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/ Date of change in ownership:

12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có)/ Other significant changes (if any):

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)

**MẪU 07 - THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**
***FORM 07 - NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES OF INTERNAL PERSON
AND RELATED PERSONS OF INTERNAL PERSON***

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

... .., ngày ... tháng ... năm ...
, day ... month ... year ...

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA TỔNG
CÔNG TY VIGLACERA – CTCP VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI
NỘI BỘ**
***NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES OF INTERNAL PERSON OF
VIGLACERA CORPORATION – JSC AND RELATED PERSONS OF INTERNAL
PERSON.***

Kính gửi:

To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán
- Tổng công ty Viglacera - CTCP
- The State Securities Commission
- The Stock Exchange
- The Viglacera Corporation - JSC

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ Information on individual/ organization that conducts the transfer:

- *Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ Name of individual/organization:*

- *Quốc tịch/ Nationality:*

- *Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ Address:

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại/ Telephone: Fax: Email: Website:

.....

- Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty Viglacera – CTCP (nếu có) hoặc mối quan hệ với Tổng công ty Viglacera – CTCP/Current position in the Viglacera Corporation – JSC (if any) or relationship with the Viglacera Corporation – JSC:
- 2. Thông tin về người nội bộ của Tổng công ty Viglacera – CTCP là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của Tổng công ty Viglacera – CTCP)/ Information about internal person of the Viglacera Corporation – JSC is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of the Viglacera Corporation – JSC):
 - Họ và tên người nội bộ/ Name of internal person:
 - Quốc tịch/ Nationality:
 - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ ID card/Passport No.:
 - Địa chỉ thường trú/ Permanent address:
 - Điện thoại liên hệ/ Address: Fax: Email:
 - Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty Viglacera – CTCP/Currently position in the Viglacera Corporation – JSC:
 - Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):
- 3. Mã chứng khoán giao dịch/ Securities code:
- 4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3/Trading account number with shares mentioned above:..... tại công ty chứng khoán/ In securities company:
- 5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership proportion of shares held before transaction:
- 6. Số lượng cổ phiếu đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/ Number of shares registered to purchase/sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred/swap.
- 7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership proportion of shares expected to hold after the transaction:
- 8. Mục đích thực hiện giao dịch/ Purposes of transaction:
- 9. Phương thức giao dịch/ Mode of transaction:
- 10. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/ Transaction period: từ ngày/from..... đến ngày/ to.....

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)

MẪU 08 - THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
FORM 08 - NOTICE OF TRANSACTION INCONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO BUY SHARES/ CONVERTIBLE BOND OF INTERNAL PERSON AND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm
....., day ... month ... year

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ
PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA
NGƯỜI NỘI BỘ CỦA TỔNG CÔNG TY VIGLACERA – CTCP VÀ NGƯỜI CÓ
LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

**NOTICE OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BOND, RIGHTS TO BUY
SHARES/ CONVERTIBLE BOND OF INTERNAL PERSON OF VIGLACERA
CORPORATION – JSC AND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán
- Tổng công ty Viglacera - CTCP
- The State Securities Commission
- The Stock Exchange
- The Viglacera Corporation - JSC

To:

- The State Securities Commission
- The Stock Exchange
- The Viglacera Corporation - JSC

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ Information on individual/ organization:

- *Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ Name of individual/organization:*
- *Quốc tịch/ Nationality:*
- *Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*
- *Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ Address:*

- Điện thoại/ Telephone: Fax :..... Email: Website:

- Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty Viglacera – CTCP (nếu có) hoặc mối quan hệ với Tổng công ty Viglacera - CTCP/ Current position in Viglacera Corporation – JSC (if any) or relationship with Viglacera Corporation - JSC:

2. Thông tin về người nội bộ của Tổng công ty Viglacera – CTCP là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của Tổng công ty Viglacera - CTCP)/ Information about internal person of Viglacera Corporation - JSC is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of Viglacera Corporation - JSC):

- Họ và tên người nội bộ/ Name of internal person:

- Quốc tịch/ Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ ID card/Passport No.:

- Địa chỉ thường trú/ Permanent address:

- Điện thoại liên hệ/ Address: Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty Viglacera - CTCP/ Currently position in Viglacera Corporation - JSC:

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/ Securities code:

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3/Trading account number with shares mentioned above:..... tại công ty chứng khoán/ In securities company:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ Number, proportion securities held before transaction in rights, convertible bond:

6. Số lượng quyền mua hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có/ Number of rights or convertible bond owned:

7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)/ Exercise ratio (for trading rights) or conversion rate (for convertible bond transactions):

8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/ Number of rights (for trading rights) or number of convertible bond (for trading convertible bond) registered to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated/inherit/ transfer/ transferred.

9. Tổng số lượng cổ phiếu/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number of shares/convertible bonds expected to hold after exercising the right or number of shares expected to hold after convert bonds to shares:*

10. Phương thức giao dịch/ *Mode of transaction:*

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/ *Transaction period: từ ngày/from.... đến ngày/to....*

(*) Là số cổ phiếu dự kiến sẽ mua theo tỷ lệ thực hiện quyền, ví dụ: số quyền mua là 1000, tỷ lệ thực hiện là 5:1 thì số lượng cổ phiếu dự kiến mua là 200)/ *Being number of shares expected to purchase according to the execution ratio, for example, number of rights is 1000, execution ratio is 5:1, then the number of shares expected to purchase is 200)*

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN
NAME OF REPORTING
ORGANIZATION/
INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED
TO DISCLOSE INFORMATION**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of
organization)

MẪU 09 - BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
FORM 09 - REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm
....., day ... month ... year

***BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA TỔNG
CÔNG TY VIGLACERA - CTCP VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI
BỘ
REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES OF INTERNAL
PERSON OF VIGLACERA CORPORATION - JSC AND RELATED PERSONS
OF INTERNAL PERSON***

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán
- Tổng công ty Viglacera - CTCP

To:

- The State Securities Commission
- The Stock Exchange
- The Viglacera Corporation - JSC

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ Information on individual/ organization:

- *Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ Name of individual/organization:*

- *Quốc tịch/ Nationality:*

- *Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ Address:

- Điện thoại/ Telephone: Fax: Email: Website:
.....

- Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty Viglacera - CTCP (nếu có) hoặc mối quan hệ với Tổng công ty Viglacera - CTCP/ Current position in Viglacera Corporation – JSC (if any) or relationship with the Viglacera Corporation - JSC:

- Chức vụ tại Tổng công ty Viglacera – CTCP tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/
Posittion in Viglacera Corporation - JSC at registration date (if any):..... và
ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của Tổng
công ty Viglacera - CTCP:(nêu rõ lý do) */ and date on which is no
longer internal person or related person of internal person of Viglacera Corporation -
JSC:

*: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng
đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của
Tổng công ty Viglacera - CTCP/ This item is only for cases not yet registration
deadline of transaction, the registrant is no longer the internal person or related
person of internal person of the Viglacera Corporation - JSC.

2. Thông tin về người nội bộ của Tổng công ty Viglacera – CTCP là người có liên
quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện
giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của Tổng công ty Viglacera -
CTCP)/ Information about internal person of Viglacera Corporation - JSC is related
person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal
person of the Viglacera Corporation - JSC):

- Họ và tên người nội bộ/ Name of internal person:
- Quốc tịch/ Nationality:
- Số CMND. Hộ chiếu. Thẻ căn cước/ ID card/Passport No.:
- Địa chỉ thường trú/ Permanent address:
- Điện thoại liên hệ/ Address: Fax: Email:
- Chức vụ tại Tổng công ty Viglacera - CTCP tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1
đăng ký giao dịch/ Posittion in Viglacera Corporation - JSC at date on which
individual / organization referred to in paragraph 1 to register the transaction: ...
- Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty Viglacera - CTCP/ Currently posittion in the
Viglacera Corporation - JSC:
- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/
Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ Number, ownership
proportion of shares held by the internal (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/ Securities code:

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3/Trading account number with
shares mentioned above:..... tại công ty chứng khoán/ In securities company:

.....
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership
proportion of shares held before transaction:

6. Số lượng cổ phiếu đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển
nhượng/nhận chuyển nhượng/ Number of shares registered to purchase/ sale/ give/ be
given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred.

7. Số lượng cổ phiếu đã giao dịch (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi) **/ Number of shares traded (purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred/swap).

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership proportion of shares held after executing transaction:

9. Phương thức giao dịch/ Mode of transaction:

10. Thời gian thực hiện giao dịch/ Transaction period: từ ngày/from..... đến ngày/to.....

** (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, người nội bộ/ người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.)/* (In case of failing to execute full registered number, the internal person/ related person of internal person shall need to explain the reasons.)

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN
NAME OF REPORTING
ORGANIZATION/
INDIVIDUAL/ PERSONS AUTHORIZED
TO DISCLOSE INFORMATION**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of
organization)

**MẪU 10 - BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI;
QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ,
VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

**FORM 10 - REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE
BOND, RIGHTS TO BUY SHARES/ CONVERTIBLE BOND OF INTERNAL
PERSON AND RELATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

....., ngày ... tháng ... năm

....., day ... month ... year

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI; QUYỀN
MUA CỔ PHIẾU/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA – CTCP VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA
NGƯỜI NỘI BỘ**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BOND,
RIGHTS TO BUY SHARES/CONVERTIBLE BOND OF INTERNAL PERSON
OF VIGLACERA CORPORATION - JSC AND RELATED PERSON OF
INTERNAL PERSON**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch chứng khoán

- Tổng công ty Viglacera - CTCP

To:

- The State Securities Commission

- The Stock Exchange

- The Viglacera Corporation - JSC

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/ Information on individual/
organization:

2. Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/ Name of individual/organization:

- Quốc tịch/ Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng
ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ
chức), ngày cấp, nơi cấp/ ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of
business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ Address:

- Điện thoại/ Telephone :..... Fax: Email: Website:

- Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty Viglacera – CTCP (nếu có) hoặc mối quan hệ với Tổng công ty Viglacera - CTCP/ Current position in the Viglacera Corporation – JSC (if any) or relationship with the Viglacera Corporation - JSC:

- Chức vụ tại Tổng công ty Viglacera – CTCP tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/ Position in Viglacera Corporation - JSC at registration date (if any):..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của Tổng công ty Viglacera - CTCP: (nêu rõ lý do) */ and date on which is no longer internal person or related person of internal person of Viglacera Corporation - JSC:

*: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của Tổng công ty Viglacera - CTCP/ This item is only for cases not yet registration deadline of transaction, the registrant is no longer the internal person or related person of internal person of Viglacera Corporation - JSC.

2. Thông tin về người nội bộ của Tổng công ty Viglacera – CTCP là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của Tổng công ty Viglacera - CTCP)/ Information about internal person of Viglacera Corporation - JSC is related person of trading individual/organization (in case trader is related person of internal person of Viglacera Corporation - JSC):

- Họ và tên người nội bộ/ Name of internal person:

- Quốc tịch/ Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ ID card/Passport No.:

- Địa chỉ thường trú/ Permanent address:

- Điện thoại liên hệ/ Address: Fax: Email:

- Chức vụ tại Tổng công ty Viglacera – CTCP tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/ Position in Viglacera Corporation – JSC at date on which individual/organization referred to in paragraph 1 to register the transaction: ...

- Chức vụ hiện nay tại Tổng công ty Viglacera - CTCP/Currently position in Viglacera Corporation - JSC:

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ Relationship of individual/organization executing transaction with internal person:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/ Number, ownership proportion of shares held by the internal (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/ Securities code:

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/Trading account number with shares/fund certificates mentioned above:..... tại công ty chứng khoán/ In securities company:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi/Number, ownership proportion of shares held before transaction:
6. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ Exercise ratio (for trading rights) or conversion rate (for convertible bond transactions):
7. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/ Number of rights (for trading rights) or number of convertible bond (for trading convertible bond) registered to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred:
8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu) đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng **/ Number of rights (for trading rights) or number of convertible bond (for trading convertible bond) traded to purchase/ sale/ give/ be given/ donate/ be donated /inherit/ transfer/ transferred:
9. Số lượng cổ phiếu/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ Number of shares/convertible bonds expected to hold after exercising the right or number of shares expected to hold after convert bonds to shares:
10. Phương thức giao dịch/ Mode of transaction:
11. Thời gian thực hiện giao dịch/ Transaction period: từ ngày/from đến ngày/to.....

** (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, người nội bộ/người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.)/ * (In case of failing to execute full registered number, the internal person/ related person of internal person shall need to explain the reasons.)

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG
TIN**

**NAME OF REPORTING ORGANIZATION/
INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO
DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of
organization)